TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP.BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐĂK LĂK
Bản án số: 35/2023/HNGĐ – ST
Ngày 30/3/2023.
V/v: Xin ly hôn và con chung

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH BUÔN MA THUỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Y Kam Ênuôl

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng

2. Ông Nguyễn Đức Trung

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Nữ Hoàng Yến – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1016/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXX – HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào Thị Tuyết T, 1987

Địa chỉ: Hẻm 88 V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thế T, 1977.

Địa chỉ: Hẻm 88 V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn bà Đào Thị Tuyết T trình bày:** Giữa tôi và ông Nguyễn Thế T tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND phường T, thành phố B vào năm 2006. Trong thời gian chung sống với nhau hai vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Nay giữa tôi và ông T không còn tình cảm, không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Thế T.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Thế T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không thể tiến hành khi ý kiến của ông Nguyễn Thế T.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Đào Thị Tuyết T. Cho bà Đào Thị Tuyết T được ly hôn với ông Nguyễn Thế T.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Thế Anh K1, sinh ngày 16/6/2011, cháu Nguyễn Thế Anh K2, sinh ngày 23/5/2015 và cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 07/7/2020 cho bà Đào Thị Tuyết T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Ông Nguyễn Thế T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai có quyền được cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy bị đơn – ông Nguyễn Thế T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải mâu thuẫn trong mối quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên Tòa: Ông Nguyễn Thế T đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ông T vẫn vắng mặt lần hai không có lý do, đối với bà Đào Thị Tuyết T, trước khi xét xử có đơn xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử vắng mặt đương sự.

[3].Về nội dung: Giữa bà Đào Thị Tuyết T và ông Nguyễn Thế T có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2006 đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đào Thị Tuyết T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì được mối quan hệ hôn nhân, bản thân hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình và yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thế T.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương nơi đương sự cư trú thì thấy rằng: Trong cuộc sống hằng ngày giữa bà T và ông T có phát sinh mâu thuẫn kéo dài, địa phương đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

3.1. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa bà T và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, quá trình làm việc với Tòa án bà Trinh xác định mâu thuẫn hai vợ chồng đã kéo dài thời gian lâu cho đến nay mà không có biện pháp khắc phục và hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đào Thị Tuyết T đối với ông Nguyễn Thế T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

3.2. Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau giữa bà Đào Thị Tuyết T và ông Nguyễn Thế T có 03 con chung là cháu Nguyễn Thế Anh K1, sinh ngày 16/6/2011, cháu Nguyễn Thế Anh K2, sinh ngày 23/5/2015 và cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 07/7/2020. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng và chăm sóc cả 03 cháu, bản thân nguyện vọng của cháu Nguyễn Thế Anh K1 và Nguyễn Thế Anh K2 sau khi bố mẹ ly hôn được ở với mẹ là Đào Thị Tuyết T, đối với cháu Nguyễn Ngọc Bảo A mới hơn 2 năm 08 tháng 23 ngày tuổi. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển bình thường, tránh ảnh hưởng đến tâm lý cho các cháu, nên cần giao cháu Nguyễn Thế Anh K1, sinh ngày 16/6/2011; cháu Nguyễn Thế Anh K2, sinh ngày 23/5/2015 và cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 07/7/2020 cho bà Đào Thị Tuyết T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Ông Nguyễn Thế T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai có quyền được cản trở.

3.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3.4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Đào Thị Tuyết T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Đào Thị Tuyết T. Cho bà Đào Thị Tuyết T được ly hôn với ông Nguyễn Thế T.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Thế Anh K1, sinh ngày 16/6/2011, cháu Nguyễn Thế Anh K2, sinh ngày 23/5/2015 và cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 07/7/2020 cho bà Đào Thị Tuyết T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Ông Nguyễn Thế T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai có quyền được cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải giải quyết.

Về án phí: Bà Đào Thị Tuyết T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà Đào Thị Tuyết T đã nộp theo biên lai số AA/2021/0022636 ngày 16/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- UBND phường T;
-……;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Y Kam Ênuôl